TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG ĐIỀN** **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30-5-2022
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Di.

2. Bà Nguyễn Thị Thủy.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa:*** Ông Vũ Văn Long – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 69/2022/TLST – HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Nhựt M, sinh năm 1972.

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện L, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (có mặt)

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1978.

Địa chỉ: khu phố L, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28-02-2022 và trong quá trình tố tụng tại Tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Nhựt M trình bày:

Về hôn nhân*:* Ông M và bà N tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1996 có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn, được UBND xã A, huyện L cấp Giấy chứng

nhận kết hôn số 69 ngày 24/9/2007. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại địa chỉ ấp A, xã A, huyện L, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng hay cãi vã, không hòa hợp. Ông M và bà N đã ly thân từ năm 2020 đến nay. Trong thời gian ly thân ông M và bà N có gặp nhau để hàn gắn tình cảm nhưng không thành.

Nay nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không còn hạnh phúc, không còn tình cảm với nhau nên ông M yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà N.

Về nuôi con chung: Ông M xác nhận ông và bà N có 02 con chung tên Nguyễn Nhựt T, sinh năm 1997 (đã trưởng thành) và Nguyễn Nhựt Trường G, sinh ngày 08-9-2007. Ông M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu G và không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị N:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà N. Tuy nhiên bà N không đến Tòa án tham gia giải quyết vụ án. Tòa án cũng không nhận được văn bản ý kiến hay bản tự khai của bà N.

Tại phiên tòa:

Ông M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không bổ sung gì thêm. Bà N có đơn xin xét xử vắng mặt. Các đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn ông M đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn bà N vắng mặt trong quá trình tố tụng là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Nguyễn Nhựt M yêu cầu ly hôn, giải quyết con chung với bà Nguyễn Thị N nên xác định quan hệ tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"; bị đơn bà N có địa chỉ cư trú tại huyện L nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, bà N vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà N theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về hôn nhân*: Ông Nguyễn Nhựt M đăng ký kết hôn với bà Nguyễn Thị N tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu vào ngày 24/9/2007 (giấy chứng nhận kết hôn số 69, quyển số I/2007). Hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng hay cãi vã, không hòa hợp. Vì vậy ông M và bà N đã ly thân từ năm 2020 đến nay. Trong thời gian ly thân ông M và bà N có gặp nhau để hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Tại Tòa ông M xác định không còn tình cảm với bà N nên yêu cầu được ly hôn.

Kết quả xác M cho thấy: Ông M và bà N kết hôn và chung sống với nhau vào năm 2007 tại ấp A, xã A, huyện L, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn nên bà N đã chuyển đi nơi khác sinh sống khoảng 3 năm nay. Hiện tại chỉ còn ông M và các con sống tại địa chỉ nêu trên.

Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa bà N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Điều đó cho thấy bản thân bà N không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, bỏ mặc đời sống hôn nhân.

Từ những tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp; thực tế xác M tại địa phương cho thấy mâu thuẫn giữa ông M và bà N là có thật, theo chiều hướng kéo dài và trầm trọng, ông bà đã thực sự không còn tình cảm với nhau, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông M đối với bà N.

[2.2] *Về nuôi con chung*: Ông M và bà N 02 con chung tên Nguyễn Nhựt T,

sinh năm 1997 (đã trưởng thành) và Nguyễn Nhựt Trường G, sinh ngày 08-9-2007. Sau khi ly hôn ông M yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Nhựt Trường G, không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy: Từ khi hai vợ chồng ly thân và bà N chuyển đi nơi khác sinh sống thì cháu G vẫn ở với ông M, do ông M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Cháu G có nguyện vọng được tiếp tục ở với ông M. Để tránh xáo trộn trong sinh hoạt, tâm lý, học tập của cháu. Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của ông M. Giao cháu G cho ông M trực tiếp nuôi dưỡng. Ông M không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] *Về chia tài sản:* Ông M không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Ông M là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy đình về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ông Nguyễn Nhựt M ly hôn bà Nguyễn Thị N.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Nhựt Trường G, sinh ngày 08-9-2007 cho ông Nguyễn Nhựt M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Ông M không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ đối với con chung. Người không trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không được ai cản trở.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha hoặc mẹ hoặc của cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể

quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Nhựt M phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm ông M đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008764, ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Ông M đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND huyện L;
- THADS huyện L;
- UBND xã A, huyện L;
- Đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký và đóng dấu)

Phạm Thị Bình